

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh K, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Cách Mạng T, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2021).

2. Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1956 và bà Trần Mỹ T, sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1978;

3.2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985;

3.3. Bà Nguyễn Bích T1, sinh năm 1990;

3.4. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1992;

3.5. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh Lượng, bà T có mặt; ông H, ông Q, ông T, ông Đ vắng mặt; ông V,

bà T1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngày 14/5/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T giao dịch vay tiền, do Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi nhánh Bạc Liêu đại diện ký hợp đồng cấp tín dụng số BLI.CN.1340.130520. Nội dung: Ông H, bà T vay vốn Ngân hàng số tiền là 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay, lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ gốc được thỏa thuận theo khế ước nhận nợ; còn lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – bổ sung vốn lưu động – bổ sung vốn lưu động kinh doanh lúa gạo. Ngân hàng đã giao đủ tiền cho ông H, bà T theo Khế ước nhận nợ. Theo Khế ước nhận nợ ngày 14/5/2020, thời hạn cho vay là 06 tháng, từ ngày 15/5/2020 đến ngày 14/11/2020; lãi suất trong hạn là 10,50%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả 10%/năm; số nợ gốc phải trả của kỳ trả nợ cuối cùng là 1.450.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 14/5/2020 giữa ông H và bà T với Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLI.BĐCN.124.130.520 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số BLI.BĐCN.149.130520. Nội dung là thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 841370 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi cấp cho hộ ông Nguyễn Minh H ngày 02/01/2002, phần đất gồm thửa số 28, tờ bản đồ số 03; thửa 109-1, 109-2, tờ bản đồ số 01; thửa số 01, 37, 1118 cùng tờ bản đồ số 04, diện tích 30.307,0m², mục đích sử dụng trồng lúa, đất ở, lập vườn; phần tài sản gắn liền với đất thế chấp gồm căn nhà cấp IV được xây cất trên phần đất thế chấp, có kết cấu mái tole, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích 250m² tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi vay tiền, ông H và bà T không trả tiền vay vốn gốc đến hạn theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 1.736.951.357 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó, vốn gốc 1.450.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.513.699 đồng; lãi quá hạn 263.198.836 đồng; phạt chậm trả lãi 11.238.823 đồng. Ông H và bà T còn phải tiếp tục trả tiền chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng từ ngày 22/01/2022 cho đến khi trả hết nợ. Nếu ông H và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ gồm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 03; thửa 109-1, 109-2, tờ bản đồ số 01; thửa số 01, 37, 1118 cùng tờ bản

đồ số 04, diện tích 30.307,0m², mục đích sử dụng trồng lúa, đất ở, lập vườn; đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

** Trong quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T trình bày:* Ông H và bà T có giao dịch vay tiền với Ngân hàng. Cụ thể: Ông bà có ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 14/5/2020 với Ngân hàng để vay số tiền gốc 1.450.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng; lãi suất cho vay là 10,50%/năm; lãi suất quá hạn là 150% và lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay là để sản xuất kinh doanh lúa gạo và có đăng ký kinh doanh. Khi vay, ông bà có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất cùng ngày 14/5/2020, tài sản gồm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa số 28, 109-1, 109-2, 1, 37, 1118 tờ bản đồ số 01, 03, 04 đất tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản mà ông bà thế chấp Ngân hàng là của ông bà. Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng hiện nay chưa có tiền để thanh toán cho Ngân hàng. Nếu ông bà không có tiền trả cho Ngân hàng thì đồng ý cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày:* Ông H, bà T là cha mẹ ruột của ông T. Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu cha mẹ ông trả nợ thì ông không có ý kiến. Ông đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Ngân hàng do tài sản trên là của cha mẹ ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Bích T1 trình bày:* Ông H, bà T là cha mẹ ruột của bà T1, còn ông V là chồng chị Thuỳên. Ông bà không có ý kiến gì về việc Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T trả nợ vay. Ông bà đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng nếu ông H, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Đối với căn nhà mà ông bà xây cất trên phần đất thế chấp là do ông H, bà T cho mượn. Hiện tại ông bà sinh sống cùng với con của ông bà là anh Huỳnh Quốc Minh, sinh ngày 22/11/2010. Nếu ông H, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông bà đồng ý đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng liên quan đến căn nhà của ông bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ trình bày:* Ông là con của ông H và bà T. Ông không có ý kiến gì về việc Ngân hàng yêu cầu cha mẹ ông trả nợ. Ông đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Ngân hàng do tài sản này là của cha mẹ ông.

** Tại phiên tòa,*

- Bà Trần Mỹ T trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên yêu cầu Ngân hàng giảm lãi và xin trả dần nợ.

- Anh Nguyễn Bá L trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T trả nợ ngay cho Ngân hàng và không đồng ý yêu cầu giảm lãi, nếu ông H và bà T không thực hiện hoặc không thực hiện đúng việc trả nợ thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý vụ án dân sự, nhưng trong quá trình xét xử đương sự cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ bà Trần Mỹ T nên cần xác định lại đây là vụ án kinh doanh, thương mại với quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 1.736.951.357. Trong đó: Nợ gốc 1.450.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.513.699 đồng; lãi quá hạn 263.198.836 đồng; phạt chậm trả lãi 11.238.823 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phạt chậm trả, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông H, bà T không thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Dành quyền ưu tiên mua tài sản phát mãi cho bà Nguyễn Bích T1 và anh Nguyễn Quốc V (nếu có nhu cầu). Ông H, bà T không phải chịu án phí do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ông H và bà T có nơi cư trú tại xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý vụ án dân sự số 55/2021/TLDS-ST xác định là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Nhưng trong quá trình xét xử, nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh Trần

Mỹ T nên thỏa mãn về điều kiện chủ thể trong quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại. Do đó, cần xác định lại đây là vụ án kinh doanh, thương mại với quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông Nguyễn Minh H, ông Nguyễn Minh Q, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Bích T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, ông Q, ông T, ông Đ, ông V, bà T1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông H và bà T trả số tiền gốc 1.450.000.000 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[3.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng cung cấp Hợp đồng cấp tín dụng BLI.CN.1340.130520 đề ngày 14/5/2020; Khế ước nhận nợ ngày 14/5/2020. Ngân hàng xác định, ông H, bà T vay của Ngân hàng số tiền 1.450.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ tiền vay trên vào ngày 14/5/2020. Sau khi vay đến hạn, ông H và bà T không thanh toán theo thỏa thuận cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tiến hành đòi nợ và làm việc. Ông H, bà T thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về việc ký kết hợp đồng vay và nhận đủ số tiền vay 1.450.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa Ngân hàng với ông H, bà T có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên và phía ông H, bà T đã nhận đủ số tiền vay.

[3.2] Theo nội dung hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cùng ngày 14/5/2020 thể hiện ông H và bà T vay số tiền 1.450.000.000 đồng, mục đích vay là sản xuất kinh doanh – bổ sung vốn lưu động – bổ sung vốn lưu động kinh doanh lúa gạo; thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 15/5/2020 đến ngày 14/11/2020; lãi suất cho vay 10,50%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả 10%/năm; số nợ gốc phải trả của kỳ trả nợ cuối cùng là 1.450.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu giảm lãi và xin được trả dần nhưng phía Ngân hàng không đồng ý và yêu cầu giải quyết theo hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, ông H và bà T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà T thanh toán số tiền tiền tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 1.736.951.357 đồng (trong đó, vốn gốc 1.450.000.000 đồng; lãi trong hạn 12.513.699 đồng; lãi quá hạn 263.198.636 đồng; phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 11.238.823 đồng) và tiếp tục trả tiền chậm trả lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 22/01/2022 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay trên, giữa Ngân hàng với ông H và bà T ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLI.BĐCN.124.130.520 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số BLI.BĐCN.149.130520 cùng ngày 14/5/2020. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất thì ông H, bà T thế chấp tài sản là căn nhà cấp IV có kết cấu mái tole, tường gạch, nền gạch men có diện tích 250m² cùng với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 03; thửa 109-1, 109-2, tờ bản đồ số 01; thửa số 01, 37, 1118 cùng tờ bản đồ số 04, diện tích 30.307,0m², mục đích sử dụng trồng lúa, đất ở, lập vườn; đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4.1] Sau khi thụ lý, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2021 trên phần đất thế chấp có tài sản như sau: Trên phần đất diện tích 5.491m² tại thửa số 28, tờ bản đồ số 03; phần đất diện tích 13.834m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số 04; phần đất diện tích 4.805m² tại thửa số 37, tờ bản đồ số 04; phần đất diện tích 4.552m² tại thửa số 1118, tờ bản đồ số 04 có tài sản như sau: Ông H và bà T đang trồng lúa OM được 21 ngày tuổi, dự kiến 79 ngày nữa thu hoạch. Đối với phần đất diện tích 1.625m² tại thửa số 109-1 và 109-2 tờ bản đồ số 01 có các tài sản như sau: 01 căn nhà chính có diện tích 148m², có kết cấu móng khung sườn bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường xây, mái tol xi măng; 01 căn nhà phụ có diện tích 60m², có kết cấu cây gỗ địa phương, vách thiếc, mái thiếc và tol xi măng; 01 mái che có diện tích 37m² có kết cấu khung sườn thép, mái thiếc, nền xi măng; 01 căn nhà tạm có diện tích 63m² có kết cấu cây gỗ địa phương, vách thiếc, nền gạch men, mái tol xi măng. Đối với căn nhà chính, căn nhà phụ và mái che do ông H và bà T xây cất và đang quản lý, sử dụng; còn căn nhà tạm do bà Nguyễn Bích T1 và ông Nguyễn Quốc V đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, trên phần đất còn có một số cây trồng do ông H, bà T trồng và sử dụng. Ngoài ra, không còn ai khác quản lý, sử dụng.

[4.2] Xét thấy, Hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết, được công chứng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 nên có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trên phần đất thế chấp đối với diện tích 1.625m² tại thửa số 109-1 và 109-2 cùng tờ bản đồ số 01 có tài sản của ông V và bà T1 là căn nhà tạm diện tích 63m² có kết cấu cây gỗ địa phương, vách thiếc, nền gạch men, mái tol xi măng. Ông V và bà T1 xác định căn nhà do ông bà xây cất và hiện ông V, bà T1 cùng anh Nguyễn Quốc Minh (sinh ngày 22/11/2010, con của ông V, bà T1) sử dụng. Trong vụ án này, ông V, bà T1 đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, không có yêu cầu gì đối với tài sản của ông bà trên phần đất thế chấp do ông bà mượn đất cất nhà sau khi ông H và bà T thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp ông H và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Buộc ông V và bà T1 giao trả lại diện tích đất thế chấp mà mình đang sử dụng cho ông H và bà T để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 560.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên ông H và bà T phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã dự nộp 560.000 đồng và chi hết. Ông H và bà T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 560.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh, thương mại: Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên ông H và bà T phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông H và bà T có đơn yêu cầu miễn nộp án phí và thuộc trường hợp miễn án phí do người cao tuổi nên ông H và bà T được miễn án phí sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 228; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T.

2. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền 1.736.951.357 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó, vốn gốc 1.450.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.513.699 đồng; lãi quá hạn 263.198.836 đồng; phạt chậm trả lãi 11.238.823 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/01/2022), ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ nợ gốc còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo mức lãi suất được quy định theo hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì lãi suất mà ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

4. Trường hợp ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.491m² (đất trồng lúa); tại thửa số 01, tờ bản đồ số 04, diện tích 13.834m² (đất trồng lúa); tại thửa số 37, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.805m² (đất trồng lúa); tại thửa số 1118, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.552m² (đất trồng lúa); tại thửa số 109-1, tờ bản đồ số 01, diện tích 300m² (đất ở); tại thửa số 109-2, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.325m² (đất lập vườn) tọa lạc tại ấp Giồng Bướm B, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 841370 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H1 (được đính chính thành hộ ông Nguyễn Minh H) ngày 02/01/2002, diện tích 30.307,0m².

Buộc ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Bích T1 phải có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông V và bà T1 đang trực tiếp quản lý sử dụng cho ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên ông H và bà T phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã dự nộp 560.000 đồng và chi hết. Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh, thương mại: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Mỹ T được miễn nộp do có đơn xin miễn và thuộc trường hợp người cao tuổi.

7. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp số tiền 28.894.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008604 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Duy Khanh